

Số: **5745**/BXD-PTĐT

Hà Nội, ngày **19** tháng 12 năm 2022

V/v báo cáo về tình hình
phát triển đô thị năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện các quy định của pháp luật và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo tình hình quản lý phát triển đô thị hàng năm¹, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo tình hình phát triển đô thị tại địa phương năm 2022 và kế hoạch triển khai năm 2023, cụ thể như sau:

1. Báo cáo tổng hợp về tình hình phát triển đô thị tại địa phương năm 2022 và kế hoạch triển khai năm 2023 (chi tiết xem Phụ lục 1)

2. Cung cấp số liệu cụ thể về:

- Số lượng và dân số đô thị (chi tiết xem Phụ lục 2);
- Diện tích đất xây dựng đô thị (chi tiết xem Phụ lục 3);
- Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị (chi tiết xem Phụ lục 4);
- Dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị (chi tiết xem Phụ lục 5).

Mẫu báo cáo gửi kèm công văn này hoặc tải file các biểu mẫu từ website: <http://moc.gov.vn>. Báo cáo đề nghị gửi về Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng, 37 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội **trước ngày 25/12/2022**; kèm theo 01 bản mềm về địa chỉ email: baocao.uda@moc.gov.vn.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Đ/c Phạm Thanh Tùng - Phòng Quản lý phát triển đô thị. Tel : +84 4 3974 7964 (máy lẻ 405), Mobile : 096 342 3027./.

Nơi nhận: **q**

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Sở Xây dựng các tỉnh (để thực hiện);
- Sở QHKT: TP.HN, TP.HCM (để thực hiện);
- Lưu: VT; PTĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tường Văn

¹ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW; Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030"; Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 27/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý đất đai các dự án ven biển; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 02/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đô thị đảm bảo an sinh xã hội.

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Khái quát chung tình hình phát triển đô thị

- Các Nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội đảm bảo quốc phòng an ninh vùng có liên quan.

- Đánh giá chung về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong năm 2022: về công tác chỉ đạo, định hướng, triển khai thực hiện phát triển đô thị của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện (gồm các nghị quyết, chỉ đạo, định hướng, các quy hoạch phát triển đô thị). Kế hoạch thực hiện năm 2023. Đánh giá thuận lợi, khó khăn và kiến nghị đề xuất.

- Báo cáo số liệu tổng hợp về tình hình phát triển đô thị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh (tính theo 2 phương án: tính theo dân số các phường, thị trấn và đô thị loại V và tính theo quy định tại Nghị định số 94/2022/BĐ-CP (chỉ tiêu số 0115. Tỷ lệ đô thị hóa)); báo cáo số lượng đô thị theo phân loại; tổng dân số toàn tỉnh, tổng dân số toàn đô thị, tổng dân số khu vực nội thành/nội thị/thị trấn/đô thị mới loại V; tổng diện tích toàn đô thị, tổng diện tích khu vực nội thành/nội thị/thị trấn/đô thị mới loại V, tổng diện tích đất xây dựng đô thị; thu nhập bình quân đầu người hàng năm của tỉnh.

- Báo cáo tình hình lập, phê duyệt, điều chỉnh chương trình phát triển đô thị của tỉnh, chương trình phát triển đô thị của từng đô thị, các khu vực phát triển đô thị (kèm theo một số thông tin về vị trí địa điểm, diện tích khu vực phát triển đô thị) trên địa bàn tỉnh đến năm 2022 và dự kiến các năm tiếp theo.

2. Tình hình thực hiện phân loại đô thị

- Việc tổ chức đánh giá phân loại và công nhận loại đô thị theo thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Việc áp dụng các cơ chế, chính sách quản lý có liên quan phân loại đô thị đã được ban hành tại địa phương.

- Việc đầu tư xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn về hạ tầng đô thị theo quy định loại đô thị, nhất là hạ tầng y tế, giáo dục đào tạo, công trình văn hóa cấp đô thị đối với các đô thị loại III, II, I (nếu có). Kế hoạch thực hiện đến 2025 để hoàn thành yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15, Nghị quyết số 148/NQ-CP đối với các đô thị loại III trở lên. Kế hoạch nâng loại đô thị, thành lập đơn vị hành chính đô thị, điều chỉnh địa giới hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2023 và 2024-2025 (nếu có). Đề xuất điều chỉnh kế hoạch phân loại đô thị đến năm 2030 (nếu có).

3. Tình hình phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu

- Các kế hoạch cấp tỉnh và cấp đô thị (thành phố, thị xã) thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030".

- Rà soát quy hoạch, thực tế phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn, xác định vị trí, mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển của tỉnh.

- Việc tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và Atlas Đô thị và Khí hậu.

- Việc bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung của Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn.

- Các chương trình, dự án, nghiên cứu phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu: đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, kiến trúc xanh thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cấp hạ tầng khu vực được cảnh báo rủi ro cao bởi tác động của biến đổi khí hậu; cấp nước cho các khu vực thường xuyên bị hạn hán, nhiễm mặn; thoát nước và chống ngập cho các khu vực thường xuyên bị ngập lụt.

- Các thông tin về ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu trong năm: loại hình thiên tai chủ yếu, các thành phố, thị xã, thị trấn bị ảnh hưởng; tình hình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội bị ảnh hưởng; số hộ dân ước tính bị ảnh hưởng trực tiếp.

- Đánh giá tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị (về cơ chế chính sách, quy định pháp luật, dự án hỗ trợ kỹ thuật và các sáng kiến khác hướng tới mục tiêu thúc đẩy phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu).

4. Tình hình thực hiện xây dựng, phát triển đô thị tăng trưởng xanh

- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phát triển đô thị thông minh.

- Tình hình thực hiện lập báo cáo xây dựng đô thị tăng trưởng xanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Đánh giá thực trạng phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh.

- Thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị trong kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh.

- Đề xuất thí điểm, thực tế triển khai đầu tư xây dựng đô thị tăng trưởng xanh tại đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị.

5. Tình hình thực hiện phát triển đô thị thông minh

- Tình hình chung triển khai Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên toàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tình hình lồng ghép các mục tiêu, nội dung về phát triển đô thị thông minh trên địa bàn trong quy hoạch, chiến lược, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và ở từng đô thị.

- Duy trì, vận hành và ứng dụng cơ sở dữ liệu đô thị phục vụ công tác quản lý, phát triển đô thị tại các địa phương (triển khai ứng dụng GIS, xây dựng cơ sở dữ liệu đô thị); xây dựng Chính phủ điện tử.

- Tình hình thu hút đầu tư và quản lý phát triển hạ tầng đô thị thông minh: đầu tư hạ tầng kỹ thuật (chiếu sáng, giao thông, cấp - thoát nước, thu gom, xử lý chất thải rắn, lưới điện, cảnh báo); trung tâm dữ liệu đô thị đa nhiệm.

- Về triển khai lập, phê duyệt và triển khai các chương trình, dự án thí điểm phát triển đô thị, khu đô thị thông minh trên địa bàn; thu hút đầu tư các khu đô thị mới có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ ứng dụng công nghệ đô thị thông minh; mức độ phổ cập sử dụng, kết nối các thiết bị đầu cuối thông minh.

- Đánh giá tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị.

6. Về quản lý đầu tư phát triển đô thị

- Tình hình lập, triển khai các khu vực phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng đô thị, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Tình hình quản lý đất xây dựng đô thị tại các đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt. Phân công, phân cấp, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị. Các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

- Tình hình đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cấp cải tạo chỉnh trang đô thị.

- Tình hình đầu tư xây dựng, quản lý vận hành và chuyển giao các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP.

- Đánh giá tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị.

7. Các nội dung khác

- Các nội dung mới, các mô hình giải pháp mới trong xây dựng, quản lý, phát triển đô thị đã được triển khai tại địa phương.

- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có) để thúc đẩy các mô hình mới, phát triển đô thị mới.

- Các đề xuất, kiến nghị đối với Bộ Xây dựng, với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về quy định pháp luật cần sửa đổi bổ sung hoặc ban hành mới; các cơ chế, chính sách (nhất là phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính), các hỗ trợ kỹ thuật và các sáng kiến khác thúc đẩy phát triển đô thị bền vững.

PHỤ LỤC 2: SỐ LƯỢNG VÀ DÂN SỐ ĐÔ THỊ

Danh mục các đô thị phân theo loại	Mã danh mục đô thị (Ghi theo danh mục hành chính cấp xã)*	Tổng số lượng đô thị	Dân số (1.000 người)	
			Tổng số	Trong đó Dân số khu vực nội thành/nội thị/thị trấn/đô thị mới loại V**
Tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)
- Các quận nội thành (nếu có)		
- Đô thị loại I	
...	...			
- Đô thị loại II	
...	...			
- Đô thị loại III	
...	...			
- Đô thị loại IV	
...	...			
- Đô thị loại V	
...	...			

Ghi chú :

* Thông tin Bộ Xây dựng dự kiến phải thu thập theo nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

** Đối với đô thị loại IV trở lên, dân số được tính theo khu vực là phường hoặc dự kiến thành lập phường của đô thị đã được phân loại.

PHỤ LỤC 4: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ

Dự án đầu tư phát triển đô thị	Loại đô thị	Dự án có quy mô từ 20 ha trở lên		Dự án có quy mô nhỏ hơn 20 ha		Tỷ lệ diện tích đã xây dựng hạ tầng so với diện tích dự án đã được duyệt (%)
		Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	
1. Dự án đang đầu tư xây dựng trên địa bàn	Đặc biệt					
	Loại I					
	Loại II					
	Loại III					
	Loại IV					
2. Dự án đã phê duyệt chưa đầu tư xây dựng	Loại V					
	Đặc biệt					
	Loại I					
	Loại II					
	Loại III					
	Loại IV					
	Loại V					

